

Đặc tính sản phẩm

**Hóa chất neo cấy cường lực tuýp bơm VME basic**

- Là hóa chất (keo) hai thành phần có gốc thuần 100% Epoxy nên chịu tải trọng rất cao, khô cứng nhanh và thời gian thao tác lâu, rất thích hợp cho vùng khí hậu nhiệt đới
- Chuyên dụng cho công tác khoan cấy thép chờ xây dựng và thanh ren bulông neo vào bê tông, đá tự nhiên
- Làm việc tốt khi lắp đặt trong lỗ khoan khô, ẩm ướt và cả ngập nước

Ưu điểm của sản phẩm

- Công thức đặc chế cho ngành XD trong vùng khí hậu nóng và ẩm
- Hóa chất tuýp bơm cường độ cao để cấy thép và thanh ren
- Khả năng chống cháy: được kiểm nghiệm đến 2 giờ
- Thời gian thao tác lâu hơn nhưng khô cứng nhanh hơn
- Sử dụng cho lỗ khoan bê tông **khô, ẩm ướt** và cả **ngập nước**
- Độ co ngót thấp: rất phù hợp cho lỗ khoan rút lõi và lỗ khoan lớn
- Không chứa chất styrene có hại cho sức khỏe
- Được bơm cấy và lắp đặt dễ dàng
- Tuýp keo có nắp đậy để tái sử dụng keo thừa được

Vật liệu nền khoan cấy

- Bê tông
- Đá tự nhiên

Chứng chỉ kỹ thuật được phê duyệt

Chứng chỉ châu Âu:

- Chứng chỉ số ETA-21/0787: neo cấy thanh ren bulông
- Chứng chỉ số ETA-21/0788: neo cấy thép chờ xây dựng



Các ứng dụng điển hình



- Neo cấy thép chờ, thanh ren bulông vào bê tông, đá tự nhiên
- Neo cấy thép chờ, thanh ren bulông trong lỗ khô, ẩm hay cả lỗ ngập nước
- Cấy thép chờ neo vào tường vữa của tầng hầm trong cao ốc
- Cấy thép chờ cho cột, dầm, bản sàn, cầu thang bộ, ...
- Neo cấy bulông lan can bảo vệ
- Liên kết tường chắn
- Lắp đặt trong đường hầm

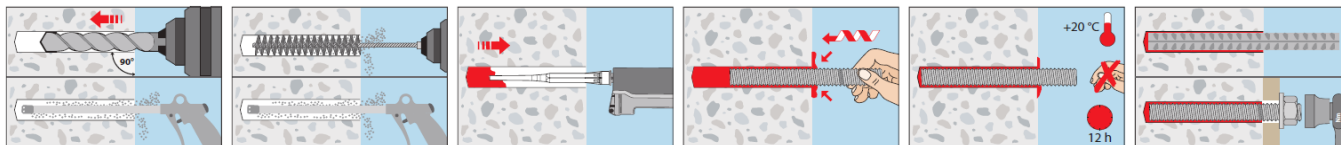
Thời gian khô cứng VME basic

→ Nhiệt độ tuýp keo khi bơm cấy
+5°C đến +40°C



Nhiệt độ (°C) của vật liệu nền	Thời gian thao tác cấy keo	Thời gian tối thiểu khô cứng vật liệu nền khô vật liệu nền ướt	
+5°C đến +9°C	80 phút	60 giờ	120 giờ
+10°C đến +14°C	60 phút	48 giờ	96 giờ
+15°C đến +19°C	40 phút	24 giờ	48 giờ
+20°C đến +24°C	30 phút	12 giờ	24 giờ
+25°C đến +34°C	12 phút	10 giờ	20 giờ
+35°C đến +39°C	8 phút	7 giờ	14 giờ
+40°C	8 phút	4 giờ	8 giờ

Biện pháp thi công khoan cấy



1. Khoan lỗ đúng đường kính đến độ sâu như được chỉ định trong tài liệu của hãng MKT
2. Dùng máy thổi bụi thổi lần 1, rồi dùng chổi lông gà để vệ sinh sạch thành lỗ, xong thổi sạch lỗ lần 2
3. Gắn vòi bơm vào đầu tuýp keo và lắp vào súng bơm: bắt đầu bơm bỏ đi phần keo lỏng đầu tiên chảy ra trước cho đến khi thấy phần keo thứ 2 ra tiếp và được trộn đều chảy ra khỏi vào bơm. Giờ, ta đưa đầu vòi bơm vào đến **đáy lỗ** rồi vừa bơm vừa từ từ kéo hướng ra ngoài đến khi đạt ít nhất **60% thể tích lỗ** thì ngưng
4. Cắm cây thép (hay thanh ren bulông) cần neo cấy vừa xoay vừa đẩy từ từ vào đến đáy lỗ thì dừng
5. Để yên liên kết neo cấy sau thời gian khô cứng hoàn toàn rồi mới bắt đầu gia tải

VME basic hệ sản phẩm hóa chất epoxy cường lực



Thể tích đóng gói và phụ kiện

Mã hàng Chi tiết tên hàng

28255601	VME Basic/585ml/1 tuýp đôi keo 2 thành phần có thể tích 585ml kèm theo 1 vòi bơm
28305201	VM-XHP vòi bơm keo
MF-DT585	MF585 súng bơm keo bằng tay
28352101	VM-P585 Profi súng bơm keo bằng khí nén

Khả năng chịu tải trọng thiết kế được cấy với thanh ren bulông neo V-A™

Đường kính bulông neo (mm)	Đường kính lỗ khoan bê tông Ø (mm)	Độ sâu lỗ khoan bê tông (mm)	Mô-men lực siết tán (Nm)	Khả năng chịu lực Cắt (kN)*	Khả năng chịu lực Kéo (kN)*
M10	12	90	20	13,6	12,2
M12	14	110	30	18,5	24,8
M16	18	125	60	34,3	36,0
M20	25	170	120	53,8	58,1
M24	28	210	200	81,7	86,5
M30	35	280	400	126,1	131,5

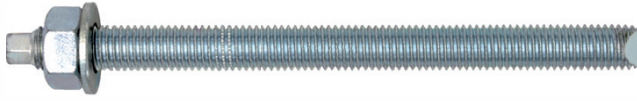
(*) Tải trọng thiết kế cho trường hợp khoan với thanh ren bulông mạ kẽm (cấp thép 5.8) trong bê tông mác 30 MPa (30 N/mm²) Hãy tham khảo với nhân viên kỹ thuật của nhà phân phối để có thêm nhiều thông số hay giải thích kỹ hơn

Khả năng chịu tải trọng thiết kế được cấy với cốt thép B500B

Đường kính thép neo (mm)	Đường kính lỗ khoan bê tông Ø (mm)	Độ sâu lỗ khoan bê tông (mm)	Khả năng chịu lực Cắt (kN)*	Khả năng chịu lực Kéo (kN)*
Ø10	14	100	16,2	21,0
Ø12	16	120	22,8	27,5
Ø14	18	140	30,8	37,4
Ø16	20	160	40,4	46,1
Ø20	25	200	63,1	58,0
Ø25	30	250	98,5	89,5
Ø28	35	280	126,5	106,2
Ø30	40	320	163,1	137,8

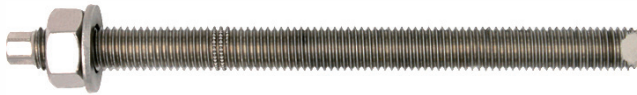
(*) Tải trọng thiết kế cho trường hợp khoan cấy với thép gân B500B trong bê tông mác 30 MPa (30 N/mm²) Hãy tham khảo với nhân viên kỹ thuật của nhà phân phối để có thêm nhiều thông số hay giải thích kỹ hơn

V-A™ thanh ren bulông mạ kẽm dày 5μm (5.8)



Mã hàng	Chi tiết tên hàng	Đường kính thanh ren (mm)	Chiều dài thanh ren (mm)	Độ dày tối đa bản mã (mm)	Đường kính lỗ khoan bê tông Ø (mm)	Độ sâu lỗ khoan bê tông (mm)
21101101	M8x110/15 V-A Thanh ren mạ kẽm	8	110	15	10	80
21203101	M10x130/20 V-A Thanh ren mạ kẽm	10	130	20	12	90
21306101	M12x160/25 V-A Thanh ren mạ kẽm	12	160	25	14	110
21510101	M16x190/35 V-A Thanh ren mạ kẽm	16	190	35	18	125
21617101	M20x260/65 V-A Thanh ren mạ kẽm	20	260	65	25	170
21721101	M24x300/63 V-A Thanh ren mạ kẽm	24	300	63	28	210
21829101	M30x380/70 V-A Thanh ren mạ kẽm	30	380	70	35	280

V-A™ thanh ren bulông inox A4/SS316



Mã hàng	Chi tiết tên hàng	Đường kính thanh ren (mm)	Chiều dài thanh ren (mm)	Chiều dày tối đa bản mã (mm)	Đường kính lỗ khoan bê tông Ø (mm)	Độ sâu lỗ khoan bê tông (mm)
21101501	M8x110/15 A4/SS316 V-A Thanh ren inox	8	110	15	10	80
21203501	M10x130/20 A4/SS316 V-A Thanh ren inox	10	130	20	12	90
21306501	M12x160/25 A4/SS316 V-A Thanh ren inox	12	160	25	14	110
21510501	M16x190/35 A4/SS316 V-A Thanh ren inox	16	190	35	18	125
21617501	M20x260/65 A4/SS316 V-A Thanh ren inox	20	260	65	25	170
21721501	M24x300/63 A4/SS316 V-A Thanh ren inox	24	300	63	28	210
21821501	M30x380/70 A4/SS316 V-A Thanh ren inox	30	380	70	35	280

V-A™ thanh ren bulông nhúng kẽm dày 45μm (5.8)



Mã hàng	Chi tiết tên hàng	Đường kính thanh ren (mm)	Chiều dài thanh ren (mm)	Chiều dày tối đa bản mã (mm)	Đường kính lỗ khoan bê tông Ø (mm)	Độ sâu lỗ khoan bê tông (mm)
VA-8 HDG	M8x110/15 HDG V-A Thanh ren nhúng kẽm	8	110	15	10	80
VA-10 HDG	M10x130/20 HDG V-A Thanh ren nhúng kẽm	10	130	20	12	90
VA-12 HDG	M 12x160/25 HDG V-A Thanh ren nhúng kẽm	12	160	25	14	110
VA-16 HDG	M16x190/35 HDG V-A Thanh ren nhúng kẽm	16	190	35	18	125
VA-20 HDG	M20x260/65 HDG V-A Thanh ren nhúng kẽm	20	260	65	25	170
VA-24 HDG	M24x300/63 HDG V-A Thanh ren nhúng kẽm	24	300	63	28	210